

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25/6/2019.

(V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Ánh Sứ

2. Ông: Vũ Xuân Thụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX- ST, ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019 và quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn số 133, ngày 05 tháng 01 năm 2006 tại UBND xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc khoảng 12 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản là giữa hai người có lối sống không phù hợp dẫn đến va chạm mâu thuẫn không còn yêu thương thông cảm cho nhau. Chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Hiện tại, hai con chung đang sống với chị T. Đến nay, xét thấy cuộc sống gia đình không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị T và anh T có hai người con chung là cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và

cháu Nguyễn Lê N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2014. Nay ly hôn thì chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th và cháu N cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 25 tháng 3 năm 2019, chị T bổ sung yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm các tài sản sau:

- 01 thửa đất diện tích 100 m², được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 716912, ngày 12 tháng 8 năm 2007, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4;

- 01 thửa đất diện tích 80,6m², đã được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 104536, ngày 07 tháng 9 năm 1016.

- 01 bộ bàn ghế Âu Á gồm 12 món, trị giá 95.000.000 đồng mua năm 2018;

- Tiền góp vốn mua đất là 640.000.000 đồng;

Về nợ chung:

- Nợ của bà Phạm Thị P, trú tại: thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi 02 chỉ vàng SJC;

- Nợ của bà Hồ Thị H, trú tại thôn G, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk 10 chỉ vàng SJC.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Lê Thị T

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, bà Lê Thị T rút yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu phân chia tài sản chung và giải quyết nợ chung,

** Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về mâu thuẫn hôn nhân giữa hai người. Anh T và chị T hiện sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Anh T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T, hiện anh chị có 02 con chung. Tuy nhiên, nếu ly hôn anh T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí Th. Đối với cháu Nguyễn Lê N, nếu chị T không nuôi dưỡng thì anh T sẽ nhận nuôi dưỡng cháu N.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nếu các bên không thỏa thuận được, anh T sẽ khởi kiện việc chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 35, Điều 39, Điều 144, 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Cần giao các con là cháu Nguyễn Trí Th sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và cháu Nguyễn Lê N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2014 cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chị T rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị T và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà chị T đã rút.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Một, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T đã xảy ra những va chạm, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai người đã sống ly thân trong một thời gian khá dài. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh T đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận thỏa thuận này của các đương sự theo quy định Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hiện tại, các con chung là cháu Nguyễn Trí Th và cháu Nguyễn Lê N đang được chị T nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với cháu Th, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lê Thị T. Căn cứ lợi ích mọi mặt của cháu Th theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Trí Th cho chị

Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Lê N, hiện cháu đang ở với chị Lê Thị T, mặc dù cháu chưa đủ tuổi trình bày nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ. Tuy nhiên, xét thấy cháu Nguyễn còn nhỏ, là con gái nên cần sự chăm sóc gần gũi của mẹ hơn. Do vậy cần giao cháu Nguyễn cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần Tết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản của chị T.

[7]. *Về án phí*: Cần buộc chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận việc chị Lê Thị T và anh Nguyễn T thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và cháu Nguyễn Lê N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2019 cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần Tết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc chia các tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện E theo biên lai số 0009128, ngày 20 tháng 02 năm 2019. Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng, theo biên lai số 0010907, ngày 10 tháng 4 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- T hành án huyện EaH'leo;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Cư Mốt;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy